

Số: 40 /KH-UBND

U Minh Thượng ngày 23 tháng 4 năm 2020

KẾ HOẠCH
Về việc thực hiện công tác Khuyến công năm 2020

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy chế quản lý kinh phí Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý kinh phí Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang.

Qua rà soát tình hình phát triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch Khuyến công địa phương năm 2020 cụ thể như sau:

I. ĐẶT ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tình hình sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện trong năm 2019 tăng trưởng nhẹ về quy mô sản xuất. Toàn huyện hiện có trên 302 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, sản xuất các sản phẩm chủ yếu như: Sản xuất nước đá, nước đóng chai, bún, bánh, rượu các loại; gia công các sản phẩm từ gỗ và sắt thép các loại (*gồm mộc dân dụng, tủ nhôm, cửa sắt, hàn - tiện, nông cụ cầm tay...*); xay xát gạo, may quần áo.. Giá trị sản xuất trong năm ước đạt 117 tỷ đồng, tăng 1,34% so với năm trước, đạt 100,86% chỉ tiêu nghị quyết được giao.

Tuy nhiên, trong năm 2019 chỉ có 01 cơ sở sản xuất bún thuộc xã Thạnh Yên được hỗ trợ với số tiền là 200 triệu đồng từ nguồn kinh phí Khuyến công để đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ sản xuất (*các năm khác, không có cơ sở nào được hỗ trợ*); giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tuy đạt và vượt chỉ tiêu nghị quyết giao nhưng sản phẩm sản xuất chưa đa dạng, chưa mở rộng được thị trường tiêu thụ, chất lượng sản phẩm chưa cạnh tranh được với thị trường ngoài khu vực.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công đến người dân.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất công nghiệp đổi mới công nghệ, cải thiện chất lượng sản phẩm sản xuất, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh với thị trường tiêu thụ ngoài khu vực.

- Khuyến khích, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại địa phương.

- Phân đầu trong năm 2020, trên địa bàn huyện có từ 01 cơ sở trở lên được tiếp cận nguồn vốn Khuyến công để phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm công nghiệp tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Các cán bộ, công chức phụ trách công tác khuyến công phải thường xuyên rà soát, nắm tình hình sản xuất của các cơ sở công nghiệp nông thôn để kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất được thuận lợi.

- Tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đoàn thể cấp huyện, cấp xã để nâng cao tính hiệu quả khi triển khai đến người dân.

- Xây dựng các đề án khuyến công phải gắn liền với định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện, trú trọng các ngành, nghề có tiềm năng, thế mạnh của vùng nhằm phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách khuyến công

Nội dung tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công năm 2020 chủ yếu các nội dung như sau:

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
1	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp	Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp
2	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 01 tỷ đồng/mô hình

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở
4	Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng	Từ 80% đến 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của ban tổ chức hội chợ triển lãm
5	Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng.	- Đạt giải cấp huyện không quá 1,5 triệu đồng/sản phẩm. - Đạt giải cấp tỉnh không quá 3 triệu đồng/sản phẩm
6	Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn.	Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu
7	Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới.	Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở
8	Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn gồm:	
	a. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày.	Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/phòng trưng bày
	b. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày.	Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày
	c. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày.	Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày

2. Đối tượng tuyên truyền

Tổ chức, cá nhân là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; đang hoạt động trên địa bàn huyện; trực tiếp đầu tư, sản xuất các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong các lĩnh vực ngành nghề cụ thể như sau:

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
- Sản xuất vật liệu xây dựng (*không hỗ trợ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ nung bằng lò thủ công cải tiến, lò vòng gây ô nhiễm môi trường; tập trung hỗ trợ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới (vật liệu không nung), không ô nhiễm môi trường, sử dụng nguyên liệu tái tạo*).
- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.
- Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

3. Trình tự xây dựng đề án khuyến công

Bước 1: Tiếp cận các cơ sở công nghiệp nông thôn có nhu cầu hỗ trợ để thu thập thông tin, số liệu và phân tích, đánh giá tính khả thi về nội dung đăng ký của cơ sở; đánh giá tính phù hợp của nội dung đăng ký so với chính sách được hỗ trợ.

Bước 2: Hướng dẫn cho cơ sở lập các hồ sơ, thủ tục xây dựng đề án khuyến công theo quy định. Hồ sơ đề án khuyến công bao gồm các thành phần như: Văn bản đề nghị của đơn vị thực hiện đề án; Đề án khuyến công (*Nội dung cơ bản của đề án gồm: Tên đơn vị, địa điểm, sự cần thiết, mục tiêu, quy mô, nội dung thực hiện, tiến độ, dự toán kinh phí, tính hiệu quả...*); Cam kết của đơn vị về việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước; Các giấy tờ khác có liên quan (*trương ứng từng ngành nghề sản xuất và nội dung đăng ký*).

Bước 3: Trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đề nghị Trung tâm Khuyến công tỉnh Kiên Giang hỗ trợ đề án từ nguồn kinh phí khuyến công.

Bước 4: Trung tâm Khuyến công tỉnh Kiên Giang kiểm tra sự phù hợp để thông qua Hội đồng thẩm định đề án khuyến công của tỉnh. Nếu đề án đủ điều kiện thì trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt đề án và tổ chức thực hiện đề án.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chính sách khuyến công được cấp từ nguồn ngân sách của tỉnh và của huyện theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công đến các cơ quan đoàn thể cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã; kịp thời xây dựng các kế hoạch, báo cáo về công tác khuyến công, gửi về Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công tỉnh Kiên Giang đúng theo quy định.

- Chủ động phối kết hợp và cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan đoàn thể cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã để tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công đến các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn huyện

- Kết hợp với Cộng tác viên khuyến công huyện U Minh Thượng và Ủy ban nhân dân các xã nắm chặt tình hình sản xuất, kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện; thực hiện khảo sát các cơ sở có nhu cầu hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công; phân tích, đánh giá tính hiệu quả và hướng dẫn cho cơ sở lập các thủ tục đề nghị Trung tâm Khuyến công tỉnh Kiên Giang hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp với Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công tỉnh Kiên Giang triển khai các đề án khuyến công trên địa bàn huyện; kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công của các đơn vị thực hiện đề án thuộc phạm vi quản lý.

2. Đề nghị các đoàn thể huyện

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công đến các Đoàn viên, Hội viên các cấp trong các kỳ sinh hoạt lễ để góp phần lan tỏa công tác tuyên truyền cho huyện đồng thời tạo điều kiện cho người dân sớm tiếp cận được nguồn vốn hỗ trợ.

- Lập danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp có nhu cầu hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công để phát triển sản xuất và gửi về Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện để khảo sát thực tế tại cơ sở.

3. Ủy ban nhân dân các xã

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các cơ sở công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quản lý. Định kỳ hàng quý, báo cáo danh sách về huyện thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện trước ngày 15 của tháng cuối quý để tổng hợp báo cáo Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến công (mục III nêu trên) đến các cơ sở công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quản lý để tạo điều kiện cho người dân sớm tiếp cận được nguồn vốn hỗ trợ.

- Lập danh sách các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp có nhu cầu hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công để phát triển sản xuất và gửi về Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện để khảo sát thực tế tại cơ sở.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc thì liên hệ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện để được giải đáp (Điện thoại liên hệ số: 02973.883884 hoặc 0919.929728 gặp đồng chí Bảo).



Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác khuyến công năm 2020 của UBND huyện, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả./. Nguyễn Quốc Khởi

Nơi nhận: UBND

- TT Khuyến công & PTCN tỉnh KG;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Phòng KT&HT huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- Hội Liên hiệp phụ nữ huyện;
- Huyện đoàn;
- Ông Nguyễn Mạnh Điền (Cộng tác viên KC);
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Khởi

